

CHẾ LAN VIÊN BÀN VỀ THƠ MỚI GIỮA ĐƯƠNG THỜI PHONG TRÀO THƠ MỚI

NGUYỄN HỮU SƠN

TÓM TẮT

Giới thiệu khái quát nội dung bài tựa của chính Chế Lan Viên cho tập thơ Điều tàn (1936). Bàn về Điều tàn, cả Trương Tửu trong tư cách nhà phê bình-người góp ý và Chế Lan Viên trong tư cách tác giả-người trao đổi lại đều có sự hợp lý và cực đoan riêng. Trương Tửu xác định thơ Chế Lan Viên dường như là sự bù đắp cho dòng chảy bề nổi dương tính “cái sống rộng rãi và mãnh liệt” và triết để đắm chìm trong cõi âm hư ảo, đẩy đến tận cùng mọi niềm chiêm cảm và ám gọi một điều gì ma mị, đồng thời tỉnh táo gián cách và cố gắng chỉ ra cái “sở đoan” trong thi mạch sở trường của thơ Chế và trực diện phản bác cõi rề quan niệm và tâm thế nghệ thuật Điều Tàn của tác giả Điều tàn. Trong khi đó Chế Lan Viên cho rằng Trương Tửu tự mâu thuẫn, không hiểu hết Điều tàn và đòi hỏi phải gia tăng tính “tranh đấu”, “có ích cho xã hội”... Có thể thấy giữa đương thời phong trào Thơ mới, Chế Lan Viên đã bộc lộ rõ năng khiếu phê bình sắc sảo, giàu cá tính. Ông đã viết tựa cho tập thơ của chính mình, biện luận và luận chiến không khoan nhượng với nhà phê bình để bảo vệ quan

niệm nghệ thuật riêng, đồng thời mở rộng sự bình phẩm, ngợi ca tài năng những người cùng thời.

Trước khi xuất bản thi tập *Điều tàn* (1937), Chế Lan Viên đã có thơ in trên các báo *Tin văn, Ngày nay, Bắc Hà, Tiểu thuyết thứ bảy, Phụ nữ, Trong khuê phòng, Người mới...* và khơi gợi được sự chú ý của dư luận. Đồng thời bản thân Chế Lan Viên cũng nêu ý kiến về thơ và lên tiếng trao đổi, tranh luận, bình luận về thơ ca nói chung.

Vừa khi Chế Lan Viên mới có một số bài thơ in báo và *Điều tàn* còn ở dạng bản thảo, bạn thơ đàn anh Hàn Mặc Tử (hơn Chế 8 tuổi) đã nồng nhiệt chào đón và hy vọng qua bài viết *Những văn tài mới nở: Chế Lan Viên - thi sĩ của vương quốc Chiêm Thành* trên báo *Tràng An* (số ra ngày 6/7/1937)... Tự bản thân mình, Chế Lan Viên đã viết lời tựa cho tập thơ *Điều tàn* (1937). Bài tựa có dòng lạc khoản ghi rõ “Viết ở tháp Đồ Bàn một đêm thu đầy trăng”, trong đó xác định một quan niệm riêng về thơ ca và đặc biệt nhấn mạnh tư chất, phẩm chất và vai trò cá tính nhà nghệ sĩ: “Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người mơ, Người say, Người điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu, nó thoát

Hiện tại. Nó xối trộn Dĩ vãng. Nó ôm trùm Tương lai.

Người ta không hiểu được nó vì nó nói những cái vô nghĩa, tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý. Nhưng thường thường nó không nói. Nó gào, nó thét, nó khóc, nó cười. Cái gì của nó cũng tốt cùng. Nó gào vỡ sọ, nó thét đứt hầu, nó khóc trào nước mắt, nó cười tràn cả tửy là tửy. Thế mà có người tự cho là hiểu được nó, rồi đem nó so sánh với Người, và chê nó là giả dối với Người. Với nó, cái gì nó nói đều có cả”...

Rồi Chế Lan Viên đi sâu phân tích, lý giải, xác định sự đồng điệu giữa chủ thể tác giả với người đọc, giữa thế giới nội tâm với cõi đời xa rộng, giữa quá khứ với hôm nay, giữa nghệ thuật với thực tại đời thường:

“Hãy nghĩ lại! Có ai thấy, vào buổi chiều, rụng ở trong tháp một viên gạch cũ mà hỏi: Viên gạch ấy chu vi, diện tích bao nhiêu? Đúc từ đời nào? Ở đâu? Bởi ai? Và để làm gì?

Điều Tàn có riêng gì cho nước Chiêm Thành yêu mến của tôi đâu? Kìa kìa nó đang đục sọ dứa anh. Tiếng xương rạn vỡ dội thâu đáy hồn tôi.

Đọc tập *Điều tàn* này xong, nếu lòng anh vẫn dửng dưng không có lấy một cơn sóng gió thì xin anh hãy cầu khẩn tất cả những gì Thiêng Liêng, những gì Cao Cả tha tội cho phạm nhân là tôi đây. Nếu, khi sách đọc xong mà cái Buồn, cái Chán, cái Hối húng cũng ủa nhau đến bực lấy hồn anh, làm cho anh phải cười, phải gào, phải khóc, thì xin anh chớ hẹp hòi gì mà cười cho mệnh mang, gào cho vỡ cổ, khóc cho hả hê, rồi gửi cái cười, cái gào, cái khóc ấy cho không trung. Tôi nằm ngủ ở trong sao, nghe được, tung mây ngồi dậy, vỗ lấy cái

quả quý báu ấy rồi say sưa, rồi ngây ngất, rồi điên cuồng vỗ lên đầu sao Khuê, sao Đẩu, lên cả Nguyệt Cầu mà bảo chúng nó rằng:

- Ha, ha! bay ôi! Loài người thành thi sĩ như Ta cả rồi.

Và vênh vang, kiêu ngạo, ta lấy mây làm bút, lấy trăng làm mực đề lên nền trời xanh: *Trong thơ ta dân Chàm luôn sống mãi/ Trong thơ ta xương máu khóc không thôi*”...

Sau khi tập thơ *Điều tàn* chính thức xuất hiện trên văn đàn, chỉ ít nhà phê bình Trương Tửu đã có liền hai bài bình luận. Bài thứ nhất nhan đề *Một thi sĩ của điều tàn* in trên báo *Ích hữu*, bình giả xác định thơ Chế Lan Viên dường như là sự bù đắp cho dòng chảy bề nổi dương tính “cái sống rộng rãi và mãnh liệt” và triệt để đắm chìm trong cõi âm hư ảo, đẩy đến tận cùng mọi niềm chiêm cảm và ám gợi một điều gì ma mị (Trương Tửu, 1938, số 101). Tiếp ngay kỳ sau là bài *Quan niệm thơ của Chế Lan Viên*, Trương Tửu tinh táo gián cách và cố gắng chỉ ra cái “sở đoản” trong thi mạch sở trường của thơ Chế và trực diện phản bác, “truy kích” tận cùng cõi rề quan niệm và tâm thế nghệ thuật Điều Tàn của tác giả *Điều tàn*: “Chẳng chóng thì chày, ông Chế Lan Viên sẽ biết thành thực khóc cái Điều Tàn mà hiện giờ ông mới chỉ có cảm tình, nhờ trực giác. Bấy giờ ông mới lại sẽ hiểu thêm rằng: *khóc cái điều tàn dĩ vãng chưa đủ, phải khóc cái thống khổ hiện tại nhiều hơn*. Vì cái *khóc* kia đưa đến cái không mà cái *khóc* này mới dắt đến tranh đấu. Tranh đấu, ấy mới là biết sống” (Trương Tửu, 1938, số 102 + 103)...

Đương khi ấy, Phong Trần (một bút danh của Hàn Mặc Tử) lại đồng cảm, hoan hỷ,

reo mừng, tán thưởng Chế qua bài viết *Chế Lan Viên - một thi sĩ điên* trên báo *Tiến bộ* (Phong Trần, 1938, số 20). Trong khi Hàn Mặc Tử vượt bỏ dư luận và nhập thân ca tụng Chế Lan Viên thì chính Chế xưng danh là người của Trường Thơ Loạn lại lên tiếng với bài *Ông Trương Tửu cãi lại ông Trương Tửu* trên báo *Bắc Hà* (Chế Lan Viên, 1938, số 12). Đoạn mở đầu, thi sĩ trẻ Chế Lan Viên biện luận sắc sảo, đanh thép, quyết liệt khi nhà phê bình nêu ra yêu cầu định hướng, chỉ đạo thơ ông cần phải có thêm tiếng nói “tranh đấu”, “muốn thơ có ích”, “vì ích lợi chung” và “có ích cho xã hội”: “Thay mặt cho Trường Thơ Loạn, dưới cái đầu đề kia, thi sĩ Hàn Mặc Tử đã giả lời một cách đau đớn cho ông Trương Tửu về việc *Điều tàn*. Cũng dưới cái đầu đề ấy, hôm nay tôi xin phép nói chuyện cùng Trương quân. Câu chuyện sẽ không dài. Tôi tránh nói về quan niệm thơ của chúng tôi mà tôi đã bày tỏ trong tựa *Điều tàn*. Biết rằng tôi và ông ta không gặp nhau thì nói đến làm gì. Tôi tránh đáp tiếng ông ta gọi tôi về Tranh Đấu. Làm như tôi không biết tranh đấu là cần? Làm như tôi tịt mù về cuộc đời và không biết cái xấu xa, cái nhục nhã, cái bần tiện, cái thống khổ của xã hội cần phải thay đổi này? Ông đừng làm thế chứ! 18 tuổi đầu không phải là trẻ con chưa mở mắt đâu ông. Có điều ông đừng trông sức lực tranh đấu vào tôi làm gì, ngày nào ông còn có thể gọi tôi là thi sĩ. Hãy trông vào một Chế Lan Viên khác đi. Xã hội còn nhiều người chán, và tôi cũng có lắm Chế Lan Viên thì ông tiếc gì mà không hy sinh Chế Lan Viên thi sĩ đi, trong khi tranh đấu.

Ông muốn thơ có ích, tôi xin giới thiệu cho ông bài *Chính khí ca* hay bài thơ *Phụ nữ* đăng trong *Thời thế* hôm trước, hay quyền

thơ thuốc của các cụ nho đời xưa. Bảo rằng ông Nguyễn Vỹ, ông Phạm Ngọc Khuê (thi sĩ) sẽ có ích cho xã hội, tôi không tin. Có khóc, có than, có gào thét, thế thôi. Và họ gào khóc thế chỉ vì họ cần phải gào thét cho hả hơi chứ không phải vì “tranh đấu” vì ích lợi chung đâu.

Thi sĩ là những cây hoa dại, có khi độc, nhưng mà lạ. Hồi nào mà nhỏ đi. Nó ít lắm. Một nước độ vài ba khóm thôi, chết nhà ai được.

Ông có đuổi thi sĩ ra khỏi cuộc đời, càng hay. Nhớ bắt chước cổ nhân mà lấy một nhánh bông ông nhé. Đuổi vào những chỗ này: sao Đầu, cung Trăng, Địa phủ. Nhưng uổng công! Chúng đã tìm đi tất cả rồi, trước khi ông sôi sùng sục vì triết lý sức mạnh, mệt như vì guồng trần xoay máy, hung hăng cầm nhành hoa tới.

Tôi, hôm nay, bênh vực cho tôi.

Cho tôi, chứ không phải cho *Điều tàn*. Có ai in thơ ra rồi lại khen thơ mình hay, phải không ông? Hay hay dở tôi không cần biết. Ai khen chê mặc. *Điều tàn* là tất cả hồn tôi, thế đủ rồi.

Tôi buồn cười quá, ông ạ. Ông hay mâu thuẫn vậy sao ông? Như đã chửi *Thanh niên* S.O.S. khi phê bình các sách Tự lực văn đoàn, ông đã, ở bài *Quan niệm về thơ Chế Lan Viên*, cãi lại ông ở bài *Thi sĩ của Điều tàn*.

Người ta đọc *Điều tàn* xong hỏi tôi: “Anh lên cung Trăng lúc nào? Anh ngủ ở sao Đầu sao được? Anh mà nhai sọ dừa? Thôi, đích thị nói phét!”. Đến dưới cái tựa, tôi đề: “Viết ở tháp Đồ Bàn một đêm thu đầy trăng” mà bạn học ở lớp tôi còn chưa chịu tin nữa là!”...

Từ đây Chế Lan Viên tiếp tục luận chiến với từng ý, từng điểm, từng nhận xét vốn rất sắc sảo của Trương Tửu: “Ông Trương Tửu cũng nghĩ như học trò một lớp cùng tôi thế đấy. Vô lý lắm, phải không, những việc của tôi làm. Và vô lý bởi không thành thật. Mà không thành thật thì còn làm cho ai cảm động được nữa. Thà rằng ông Tửu nói thế cho hôm nay tôi khỏi cãi. Đằng này không...

Thì đây, nó rành rành.

Ích hữu, số 101, ông viết: “Cái đã có ấy, là Điều Tàn, là Diệt Vong. Cái đã sống ấy là Ma, là Tinh. Người có công phục hưng hai cái đó trong lòng chúng ta là thi sĩ Chế Lan Viên”.

Một chỗ khác: “Thế là bàn tay run rẩy của nhà thơ trẻ tuổi kia gạch lên trang giấy trình tiết những vần thơ ma quái, kỳ dị, trong đó nhảy múa ca hát khóc gào những vong hồn, toàn những vong hồn”.

Một chỗ xa hơn: “Những vong hồn này vừa hiện ra trước mắt tôi lúc tôi đọc tập thơ *Điều tàn* của ông Chế Lan Viên. Nhà thơ đã thành công. Cái không đã thành có. Cái Chết đã thành Hình.

Và trong tâm hồn tôi đã mở một nguồn sống mới và mạnh gây ra bởi hai nguồn chết: Tháp Chàm và Đầu Lâu.

Tôi yêu tập thơ *Điều tàn* của ông Chế Lan Viên. Tôi yêu nhà thi sĩ của huyền bí”.

Đấy, cái kết quả của thơ tôi. Tôi viện thêm một ít câu để chứng rằng *Điều tàn* không phải là những cảm tình bịa mà là có nguồn gốc hẳn hoi. Nay ông Tửu viết: “Chế Lan Viên có tâm hồn ma quái, điên rồ, mê cuồng của người bị ám ảnh bởi Tháp Chàm và Đầu Lâu.

... Chế Lan Viên bị ám ảnh bởi cái Tháp Điều Tàn và cái đầu lâu Điều Tàn.

Chế Lan Viên lúc này đang quần quai trong một khủng hoảng tinh thần đáng sợ (...). Tất cả những ý nghĩ, tình cảm của khối óc, trái tim ông đang bị lồng khung trong một nắm mồ lạnh lẽo. Đời sống của ông đang bị kìm kẹp trong u giới. Và mạch máu ông đang cuộn cuộn chảy những chất tuỷ nhờn nhánh của các sọ dừa vứt rải rác trong nghĩa địa (...) là vì tâm thần ông rối loạn quá”.

Những lời này ông ta dựa vào thơ *Điều tàn* mà viết ra. Nhưng lúc công kích *Điều tàn* thì lại không dựa vào thơ *Điều tàn* nữa mà lại dựa vào cái tựa. Trái ngược chưa.

Tôi nói có bằng cứ. Chính ông ta đã thú nhận sau này: “Nhưng người ấy không chiếm được hết tình duyên luyện của tôi, vì người ấy không điên hẳn, không mê hẳn. Người ấy đã tỉnh trong một phút. Trong phút tỉnh người ấy đã lý thuyết hóa cái điên cái mê của mình. Một trạng thái kỳ dị của tâm hồn, người ấy đã làm thành một quan niệm về thơ. Một quan niệm sai lầm và nguy hiểm. Bài sau (tức là bài công kích tôi), tôi sẽ phê bình quan niệm ấy.

... Ông liền kêu cứu. Ấy thế là tập *Điều tàn* ra đời.

Cho xuất bản tập *Điều tàn*, ông Chế Lan Viên chỉ cốt ý tìm lấy một người tri kỷ. Người tri kỷ này, than ôi, không bao giờ ông gặp được.

Chỉ vì ông đã đại dốt đặt thành quan niệm của ông và phổ diễn quan niệm ấy trong bài tựa”...

Chỉ vì thế thôi đấy.

Tôi buồn cười khi tìm một cái ví dụ: Tôi đưa cho một người đọc *Điều tàn*, và xé trước tờ tựa. Người ấy trở nên tri kỷ của tôi. Khi

người ấy đến để hôn tôi, tôi bảo: “Khoan đã, đọc cái tựa này đã”. Người ấy đọc xong, nắm tôi một nắm bảo: “Thơ anh láo lăm, tôi không ưa anh đâu”.

Ông Trương Tửu cũng na ná như thế.

Vì khi ông bảo ông yêu tôi (thú nhĩ) là lúc ông chưa đọc tựa.

Lúc ông bảo ông ghét tôi (vui nhĩ) là lúc cái tựa được ông đọc rồi.

Hỏi rằng cái tựa có phản tập thơ không? Không! Một nghìn lần không! Một trăm lần không! Quan niệm ở tựa thế nào, thì con đường đi ở các bài thơ, tôi đã theo thế ấy.

Nhưng ông Trương Tửu cứ cãi lại ông ta thì biết làm sao?

Này, các ngài đọc: “Ông Chế Lan Viên mất mát sự thành thực. Cho nên những tình cảm mượn ông không thể tả được bằng thể trữ tình là tiếng nói của trái tim nóng hổi... tính cách giả dối của những tình cảm mượn và nài ép”.

Ấy biết là mượn thể, nài ép thể, giả dối thể, mà ông cũng còn nói được một câu ngay ở dưới ba câu kia: “Chế Lan Viên đã hồi sinh được cả một cái đã mất”.

Thật là khéo léo, thật là tài tình.

Vừa phân chất và chứng thực sự đau khổ của người ta đó, vừa phân vua rằng mình đã xúc động trước sự đau khổ đó, rồi lại bảo: không, anh ấy giả dối. Nghĩa là bảo: tôi có cảm động gì đâu!

Ông Tửu ạ, có khi nào ông thấy một người đi khóc mướn mà rõ giọt lệ không ông? Đừng nói không, theo lẽ phải dặn. Thật thế đấy! Vì người khóc mướn có khi lại có một lòng thương thành thực”...

Cuối cùng, Chế Lan Viên trở lại bày tỏ quan niệm về thơ và nhấn mạnh những suy

tư về nghề thơ, nghiệp thơ và thực chất danh phận thơ ca: “Tôi, người khóc mướn của dân Chàm đây. Nhưng lòng tôi thành thực, và những giọt lệ ở mắt tôi không phải tôi cố nín thở mà chính tự tim trào ra thì ông bảo sao? Hẳn ông bắt tôi phải quay về trong Phan Thiết, vào một làng Chàm đầu thai rồi mới thực kia ư?

Không cần đến thế!

Ông thử hỏi: *Điều tàn* có làm cho ta cảm động không? Nếu có, thế là thành thực rồi. Cần gì phải nhọc công. Còn ông đoan tôi là người An Nam chắc ông tưởng tôi cho ông tài lắm đấy. Không đâu ông ạ. Tôi biết rằng ông Nguyễn Vỹ đã nói cùng ông.

Bây giờ thì tôi chào ông và cần đến, tôi sẽ không vắng mặt đâu, thưa ông.

Viết thêm

Tôi cố ý trả lời cho ông Trương Tửu nên một đôi khi phải tự xưng là thi sĩ, một đôi khi khoe cái đau khổ của mình. Thực ra, tôi không muốn rao hàng: “Tôi đau khổ đây! Tôi buồn bã đây!”.

Và theo lời thi sĩ Nguyễn Vỹ nói thì hai chữ “thi sĩ” cũng như hai chữ “chim chích” vậy thôi, không danh giá gì! Có ai gọi “quan thi sĩ” đâu”...

Có thể nói lời biện luận có phần quyết liệt này xét cho cùng là bởi sự so sánh giữa cách đọc của người phê bình với tâm thế của chủ thể sáng tạo. Về cơ bản, Trương Tửu đánh giá cao chiều sâu suy tư và nghệ thuật thơ Chế Lan Viên nhưng cũng cho rằng thế giới thơ Chế quá xa lạ với đời sống thực tại. Với Chế Lan Viên, ông xác quyết quyền tự do sáng tạo và vị thế thi sĩ của mình trong việc khám phá, tái tạo một thế giới hiện thực nghệ thuật mới, những ám ảnh nghệ thuật kiểu mới và theo đó là

những cách đọc mới. Mỗi người đều có cái lý của mình nhưng thực tế lịch sử cho thấy việc đặt ra nhiệm vụ cho thơ “tranh đấu”, “có ích cho xã hội” để có cơ sa vào công thức, tuyên truyền, minh họa. Rồi cuộc đời sẽ đặt ra những thách thức và tạo nên những nghịch lý trong thành quả nghiên cứu, phê bình và sáng tạo nghệ thuật của cả hai ông...

Tiếp đến bài *Lòng tôi sống lại ở trong chiều buồn* in trên *Tiểu thuyết thứ Năm* (Chế Lan Viên, 1939, số 23), Chế Lan Viên có thêm lời đề từ “Gửi đáp những linh hồn thân yêu” và dẫn giải: “Những câu thơ trên, vội vàng tôi viết nó, giữa lúc trong lòng tôi phục sinh những kỷ niệm đã muôn lần chôn lấp. Suốt ngày lễ hôm nay, tôi đi lang thang khắp thành Bình Định dưới một bầu trời đục như mắt người mù, cho nên buồn như mắt người mù. Tôi thấy những đứa trẻ thơ ngây đã mất cả vẻ thơ ngây, tôi đã thấy những người con gái không có gì là con gái. Bùn ở rãnh và ở quần áo khách bộ hành. Rêu ở mái ngói. Và ở mái tranh, mạ lúa. Và tôi nghe những con đường gai chóc, gãy mình ra từng khúc dưới những cỗ xe bò đi.

Ồ hay! Lòng tôi sống lại!

Sống lại để mà thương, để buồn thảm cho cái đời sống, mỗi lúc mỗi điều tàn, mỗi lúc mỗi đen tối, của người vật, của cây cỏ, của nhà cửa, đường xá xứ Bình Định thân yêu này”...

Trong bài bình luận *Nhà thơ Đường cuối cùng: Quách Tấn* in trên báo *Bạn đường* (Chế Lan Viên, 1941, số 6), Chế Lan Viên đi sâu phân tích và đánh giá cao hồn thơ Quách Tấn: ... “Nhưng tâm hồn của nhà Thơ Cũ Quách Tấn là như thế nào? Trong sự giao du cũng như trong thi văn của thi sĩ,

tôi nhận thấy có mấy điều đáng chú ý nhất. Đầu tiên là Tánh Cách Vương Giả - cái tánh cách cần thiết cho một nhà Thơ. Nhà thơ có thể bình dân, có thể quê mùa, có thể vẩn đục, có thể tầm tối... nhưng cái bản chất cao quý, làm sao chúng ta cũng phải bắt buộc nó phải vẹn nguyên...

... Cái đặc điểm thứ hai của tâm hồn Quách Tấn là sự điều hòa. Ông điều hòa cảnh này cùng cảnh khác, tình này cùng tình khác. Và tình cảm ông lại điều hòa với nhau. Không khí của câu thơ nhờ thế mà êm dịu lạ thường, như một buổi mai tinh lạng sau một đêm dài của mùa xuân. Cái tính cách điều hòa ấy lại giúp cho một tâm hồn, riêng chỗ biết của tôi, phong phú như tâm hồn ông ta, ăn nhịp dễ dàng với cái lẽ luật khắt khe, cái thể đối đáp ràng buộc ở trong Thơ cũ. Nhiều khi đến nỗi người ta tưởng đối đáp là lẽ âm dương của ông nữa đó:

Hương trà pha lẫn hương trầm thoảng,
Tiếng địch hòa ăn tiếng địch xa.

Bạn có thấy sự dụng công đó chăng? Cái hương trầm nọ gay gắt quá nên phải nhờ sự vội vàng trong lúc đi qua cửa gió, cũng như tiếng địch không được ôn hòa mà phải nhờ đến chút xa cách của không gian...

... Ông Quách Tấn, bạn trẻ chúng tôi, đón chào ông đó, - Ông, cảnh hoa cuối cùng của một mùa xuân đã cạn. - Cảnh hoa mà cánh thắm nhị vàng lưu động cả hương sắc buổi xưa kia”.

Có thể thấy giữa đương thời phong trào Thơ Mới (1932-1945), ngay từ khi mới trong ngoài hai mươi tuổi, Chế Lan Viên đã bộc lộ rõ năng khiếu phê bình sắc sảo, giàu cá tính. Ông đã viết tựa cho tập thơ của chính mình, biện luận và luận chiến không khoan

nhượng với nhà phê bình để bảo vệ quan 26/3/1938.

niệm nghệ thuật riêng, đồng thời mở rộng sự
bình phẩm, ngợi ca tài năng những người
cùng thời. Trên tất cả, Chế Lan Viên thể hiện
một tiếng nói trung thực, sòng phẳng với
mình và với người, dần thân nhập cuộc và
sống hết mình với nghệ thuật thi ca.

Đã có một thời Chế Lan Viên bàn luận về
Thơ Mới và viết phê bình như thế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế Lan Viên. 1938. *Ông Trương Tửu cãi
lại ông Trương Tửu*. Bắc Hà. Số 12, ra ngày

2. Chế Lan Viên. 1939. *Lòng tôi sống lại ở
trong chiều buồn*. Tiểu thuyết thứ Năm. Số 23,
ra ngày 30/3/1939.

3. Chế Lan Viên. *Nhà thơ Đường cuối cùng:
Quách Tấn*. Bạn đường. Số 6, ra ngày
1/5/1941.

4. Phong Trần. 1938. *Chế Lan Viên - một thi
sĩ điển*. Tiến bộ. Số 20, tháng 3/1938.

5. Trương Tửu. 1938. *Một thi sĩ của điêu tàn*.
Ích hữu. Số 101, ra ngày 26/1/1938.

6. Trương Tửu. 1938. *Quan niệm thơ của
Chế Lan Viên*. Ích hữu. Số 102+103, ra ngày
9/2/1938.